

Bản án số: 24/2026/HS-ST
Ngày 11 - 02 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 -QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Quý

- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà Trần Thị Thúy Sâm và bà Hoàng Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Tường Vy –Thẩm traviên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Luân- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/10/1966 tại Hà Nội; nơi thường trú: thôn V, xã T, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: khu phố G, phường N, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Vũ Thị D1; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (cũ) xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”; năm 2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình (cũ) xử phạt 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Cả hai bản án, bị cáo đã được xóa án tích. Năm 2009, bị công an huyện B (cũ) thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm; Năm 2022 bị Công an thành P, tỉnh Quảng Trị (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2025 đến ngày 18/11/2025, hiện tại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố C, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Quỳnh G, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố C, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Chị Tăng Thị T3, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố A, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị D1, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố G, phường N, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân có sẵn nguồn vốn tích lũy từ trước và muốn thu lời bất chính nên từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 8/2025, tại địa bàn phường N, Nguyễn Văn D đã sử dụng tiền cá nhân cho 05 người vay với tổng số tiền cho vay là 738.500.000 đồng, mức lãi suất cho vay dao động từ 243% đến 365% gấp 12,17 – 18,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bất hợp pháp mà D đã thu được 144.668.596 đồng, tiền phí là 37.350.000 đồng, tiền phạt do chậm thanh toán là 600.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực nhận là 182.618.596 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự là 191.137.671 đồng. Tùy từng trường hợp bị cáo thường cho vay theo hai hình thức: Vay trả góp, ấn định số ngày vay, có thể cắt trước, những ngày tiếp theo người vay tiền sẽ trả dần tiền gốc và tiền lãi cho đến khi hết ngày vay theo thỏa thuận hoặc hình thức vay trả đứng, thu lãi theo ngày, không ấn định ngày trả tiền gốc, người vay sẽ trả tiền lãi với lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày cho D cho đến khi trả xong tiền gốc. D sử dụng số điện thoại và tài khoản Z, đồng thời sử dụng 02 tài khoản ngân hàng của D để cho vay. Cụ thể như sau:

Đối với chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1975, trú tại khu phố C, phường N, tỉnh Quảng Trị

Thông qua các mối quan hệ xã hội chị T2 biết được Nguyễn Văn D có cho vay tiền nên khi cần tiền chị T2 chủ động liên hệ với D để hỏi vay tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2024 đến ngày 09/8/2025, Nguyễn Văn D đã chuyển vào tài khoản hoặc tiền mặt cho chị T2 để cho vay 48 gói vay, bằng hình thức cho vay trả góp hoặc vay đứng với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày cho đến khi trả xong tiền gốc, tương đương mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đối với các gói vay trả góp D cho T2 vay trong thời gian 30 ngày, trả góp theo ngày, khi cho vay D có khi trừ tiền lãi 02 ngày hoặc 01 ngày và phí gói vay.

Đối với gói vay 2.500.000 đồng D thu phí 150.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 100.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 3.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được

thu theo quy định là 41.096 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 458.904 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 608.904 đồng.

Đối với gói vay 5.000.000 đồng D thu phí 300.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 200.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 917.808 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.217.808 đồng.

Đối với gói vay 10.000.000 đồng D thu phí 500.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 400.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 12.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất D được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 1.835.616 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 2.335.616 đồng.

Đối với gói vay 15.000.000 đồng D thu phí 800.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 600.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 18.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất D được thu theo quy định là 246.575 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 2.754.425 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 3.553.425 đồng.

Tổng số tiền của 48 gói T2 đã vay của D là 348.500.000 đồng, tiền phí là 19.450.000 đồng, lãi suất 243,3%/năm đến 365%/năm, gấp 12 – 18 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp là 5.871.233 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã nhận là 87.812.100 đồng và số tiền thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Nghị quyết số 01/2021 là 89.708.904 đồng. Hiện T2 đang còn nợ số tiền 13.333.334 đồng. Cụ thể như sau:

Gói 1: Ngày 27/9/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 2: Ngày 28/9/2024, D cho chị T2 vay số tiền 2.500.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 150.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 3.000.000 đồng.

Gói 3: Ngày 02/10/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 4: Ngày 18/10/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 5: Ngày 29/10/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 6: Ngày 01/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 7: Ngày 03/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 8: Ngày 07/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 9: Ngày 15/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 10: Ngày 22/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng.

Gói 11: Ngày 23/11/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 12: Ngày 05/12/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 13: Ngày 08/12/2024, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 14: Ngày 09/12/2024, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 15: Ngày 28/12/2024, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 16: Ngày 02/01/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 17: Ngày 06/01/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 18: Ngày 17/01/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 19: Ngày 11/02/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng.

Gói 20: Ngày 13/02/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 21: Ngày 14/02/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 22: Ngày 21/02/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 23: Ngày 22/2/2025, D cho chị T2 vay số tiền 2.500.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 150.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 3.000.000 đồng. .

Gói 24: Ngày 23/2/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 25: Ngày 02/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng.

Gói 26: Ngày 19/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 27: Ngày 22/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng. .

Gói 28: Ngày 26/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng. .

Gói 29: Ngày 28/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 2.500.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 150.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 3.000.000 đồng.

Gói 30: Ngày 29/3/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng.

Gói 31: Ngày 04/4/2025, D cho chị T2 vay số tiền 6.000.000 đồng, theo hình thức vay trả đứng, 05 ngày trả lần, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày cho đến khi trả tiền gốc. Ngày 21/8/2025 chị T2 tắt toán khoản tiền vay trên cho D. Tổng số tiền gốc và lãi chị T2 đã trả cho D trong thời gian 140 ngày là 14.400.000 đồng, tương đương mức lãi suất 365%/ năm, gấp 18,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu phí 300.000 đồng, 300.000 đồng lãi của 05 ngày, 1.600.000 đồng tiền góp của gói vay khác. Số tiền còn lại 3.800.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T2. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 140 ngày D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 460.274đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 7.939.726 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 8.239.726 đồng.

Gói 32: Ngày 06/4/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 33: Ngày 25/4/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 34: Ngày 12/5/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 35: Ngày 19/5/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 36: Ngày 25/5/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 37: Ngày 31/5/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 38: Ngày 05/6/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 39: Ngày 13/6/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 40: Ngày 15/6/2025, D cho chị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng.

Gói 41: Ngày 25/6/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 42: Ngày 10/7/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 43: Ngày 13/7/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Gói 44: Ngày 18/7/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng.

Từ gói vay số 45 đến gói vay số 48 Thịn chưa trả xong khoản vay cụ thể 04 gói vay đó như sau:

Gói 45: Ngày 26/7/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay và cắt trước 400.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày đầu, ngày cuối và số tiền còn nợ của chị T2 trước đó là 1.200.000 đồng. Số tiền còn lại 3.100.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T2. Đến 20/8/2025 (26 ngày) chị T2 đã trả lãi và gốc theo thỏa thuận với số tiền đã trả là 5.200.000 đồng (trong đó gốc là 4.333.333 đồng, tiền lãi là 866.667 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 71.233 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 795.434 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.095.434 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn

(02/9/2025) đã hết thời hạn gói vay, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 1.217.808 đồng. Hiện T2 vẫn chưa trả 666.667 đồng.

Gói 46: Ngày 28/7/2025, D cho chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay và cắt trước 400.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày đầu, ngày cuối và số tiền còn nợ của chị T2 trước đó là 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 3.300.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T2. Đến 20/8/2025 (24 ngày) chị T2 đã trả lãi và gốc theo thỏa thuận với số tiền đã trả là 4.800.000 đồng (trong đó gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 65.753 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 734.247 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.034.247 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn (02/9/2025) đã hết thời hạn gói vay, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 1.217.808 đồng. Hiện T2 vẫn chưa trả 1.000.000 đồng.

Gói 47: Ngày 08/8/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay và cắt trước 800.000 đồng tiền gốc, lãi của ngày đầu, ngày cuối và số tiền còn nợ của chị T2 trước đó là 2.300.000 đồng. Số tiền còn lại 6.400.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T2. Đến 20/8/2025 (13 ngày) chị T2 đã trả lãi và gốc theo thỏa thuận với số tiền đã trả là 5.200.000 đồng (trong đó gốc là 4.333.333 đồng, tiền lãi là 866.667 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 71.233 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 795.434 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.395.434 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn (02/9/2025) gói vay chưa chấm dứt, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 26 ngày tương ứng với số tiền thu lợi bất chính là 2.090.868 đồng. Hiện T2 vẫn chưa trả 5.666.667 đồng.

Gói 48: Ngày 09/8/2025, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T2 vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay và cắt trước 800.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày đầu, ngày cuối và số tiền còn nợ của chị T2 trước đó là 1.300.000 đồng. Số tiền còn lại 7.400.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T2. Đến 20/8/2025 (12 ngày) chị T2 đã trả lãi và gốc theo thỏa thuận với số tiền đã trả là 4.800.000 đồng (trong đó gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 65.753 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 734.247 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.334.27 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn (02/9/2025) gói vay chưa chấm dứt, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 25 ngày tương ứng với số tiền thu lợi bất chính là 2.029.680 đồng. Hiện T2 vẫn chưa trả 6.000.000 đồng.

Đối với Hoàng Thị T1, sinh năm 1986, trú tại khu phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Từ khoảng tháng 2/2025, T1 đã liên lạc và kết bạn với Nguyễn Văn D để hỏi vay tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/2/2025 đến ngày 28/6/2025,

Nguyễn Văn D cho T1 vay 10 gói vay, bằng hình thức cho vay trả góp (trừ gói vay số 03 và số 06 được thực hiện bằng hình thức vay đứng với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày cho đến khi trả xong tiền gốc, tương đương mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự). Đối với các gói vay trả góp D cho chị T1 vay trong thời gian 30 ngày, trả góp theo ngày, khi cho vay D trừ tiền lãi 02 ngày hoặc 01 ngày và phí gói vay.

Đối với gói vay 20.000.000 đồng, D thu phí 1.000.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 800.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 24.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 30 ngày D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 3.671.233 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 4.671.233 đồng.

Đối với gói vay 30.000.000 đồng, D thu phí 1.500.000 đồng, yêu cầu mỗi ngày góp 1.200.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi. Tổng số tiền gốc và lãi trong thời gian 30 ngày là 36.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 30 ngày D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 493.151 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 5.506.849 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 7.006.849 đồng. Tổng số tiền 10 gói vay là 270.000.000 đồng, tiền phí là 11.500.000 đồng, lãi suất từ 243% đến 365%/năm, gấp 12,7 đến 18,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp là 4.191.781 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã nhận là 66.064.384 đồng và số tiền thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Nghị quyết số 01/2021 là 66.508.219 đồng. Hiện chị T1 còn nợ D số tiền 47.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Gói 01: Ngày 26/02/2025, D cho chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.000.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng.

Gói 02: Ngày 21/3/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 03: Ngày 02/4/2025, D cho chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, theo hình thức vay trả đứng, 05 ngày trả lãi một lần, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày cho đến khi trả tiền gốc. Ngày 01/5/2025, chị T1 tắt toán khoản vay. Tổng số tiền gốc và lãi của khoản vay chị T1 phải trả cho D trong thời gian 30 ngày là 26.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.000.000 đồng lãi của 05 ngày và số tiền góp của gói vay số 2 là 1.200.000 đồng. Số tiền còn lại 17.800.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T1. Lần cho vay này D đã thu số tiền gốc và lãi là 26.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 30 ngày D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 5.671.233 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 5.671.233 đồng.

Gói 4: Ngày 07/4/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 5: Ngày 01/5/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 6: Ngày 12/5/2025, D cho chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, theo hình thức vay trả đứng, 05 ngày trả lần, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày cho đến khi trả tiền gốc. Ngày 28/6/2025 chị T1 trả tiền lãi cho D và xin nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc và không tính lãi thì được D đồng ý. Tổng số tiền lãi của khoản vay chị T1 phải trả cho D trong thời gian 48 ngày là 9.600.000 đồng, tương đương mức lãi suất 365%/ năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.000.000 đồng lãi của 05 ngày. Số tiền còn lại 19.000.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản chị T1. Số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 48 ngày D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 526.027 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 9.073.973 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 9.073.973 đồng. Hiện chị T1 đang nợ lại số tiền gốc 20.000.000 đồng tiền gốc.

Gói 7: Ngày 16/5/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 8: Ngày 01/6/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 9: Ngày 14/6/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng.

Gói 10: Ngày 28/6/2025, D cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, trong 30 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị T1 vay tiền, D thu 1.500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Ngày 30/6/2025, chị T1 trả tiền lãi và gốc theo thỏa thuận với số tiền là 3.600.000 đồng (trong đó gốc là 3.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 49.315 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 550.685 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế là 2.050.685 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn (02/9/2025) gói vay đã chấm dứt, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 30 ngày tương ứng với số tiền thu lợi bất chính là D phải chịu trách nhiệm hình sự của gói vay này là 7.006.849 đồng. Hiện T1 vẫn còn nợ D 27.000.000 đồng.

Đối với Võ Thị Quỳnh G, sinh năm 1991, trú tại khu phố C, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Thông qua các mối quan hệ xã hội chị G biết được Nguyễn Văn D có cho vay tiền nên khi cần tiền, chị G liên hệ với D để hỏi vay tiền. D yêu cầu chị G viết giấy vay tiền và D giữ giấy vay tiền này đến khi trả hết khoản vay thì D hủy giấy vay tiền. Trong thời gian từ ngày 20/5/2025 đến ngày 30/7/2025, Nguyễn Văn D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị G để cho chị G vay 06 gói vay, bằng hình thức cho vay trả góp trong thời gian 31 ngày, khi cho vay D trừ tiền lãi 01 ngày và phí gói vay. Tổng số tiền vay của 06 gói là 90.000.000 đồng, tiền phí 4.800.000 đồng, tiền phạt do chậm góp là 600.000 đồng, lãi suất từ 282,5%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp là 1.356.164 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp 17.805.126 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế đã nhận là 23.205.126 đồng và số tiền thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Nghị quyết số 01/2021 là 25.471.233 đồng. Hiện chị G còn nợ D số tiền 10.161.290 đồng, cụ thể như sau:

Gói 01: Ngày 20/5/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

Gói 02: Ngày 04/6/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

Gói 03: Ngày 17/6/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

Gói 4: Ngày 30/6/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

Gói 5: Ngày 13/7/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

Gói 6: Ngày 30/7/2025, D cho chị G vay số tiền 15.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị G vay tiền, D thu 800.000 đồng phí làm hồ sơ vay và 600.000 đồng tiền phạt do chậm trả lãi. Lần cho vay này G đã trả được tiền gốc và lãi 10 ngày là 6.000.000 đồng (trong đó gốc là 4.838.710, tiền lãi là 1.161.290 đồng). Số tiền lãi cao nhất của khoản vay D được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 82.192 đồng, số tiền lãi thu vượt quá cho phép là 1.079.099 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 2.479.099 đồng. Đến thời điểm Công an phát hiện và ngăn chặn (02/9/2025) gói vay đã chấm dứt, do đó xác định số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự là 31 ngày tương ứng với số tiền thu lợi bất chính là D phải

chịu trách nhiệm hình sự của gói vay này là 4.745.205 đồng. Hiện Giang vẫn chưa trả 10.161.290 đồng.

Đối với chị Trần Thị H, sinh năm 1972, trú tại phường N, tỉnh Quảng Trị:

Từ đầu tháng 8/2025, chị H sử dụng điện thoại kết bạn với Nguyễn Văn D để hỏi vay tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 8/2025 đến ngày 30/8/2025, Nguyễn Văn D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng hoặc đưa tiền mặt để cho chị H vay 03 gói vay bằng hình thức cho vay trả góp, trong thời gian 31 ngày, khi cho vay D trừ tiền lãi và phí gói vay. Tổng số tiền vay của 03 gói là 25.000.000 đồng, tiền phí 1.300.000 đồng, lãi suất 282%/năm, gấp 14,13 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp là 424.658 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp 5.575.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.875.342 đồng cụ thể như sau:

Gói 1: Khoảng đầu tháng 8/2025, D cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị H vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.400.000 đồng.

Gói 2: Ngày 24/8/2025, D cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị H vay tiền, D thu 500.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 12.400.000 đồng.

Gói 3: Ngày 30/8/2025, D cho chị H vay số tiền 5.000.000 đồng, trong 31 ngày, theo hình thức vay trả góp. Khi cho chị H vay tiền, D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Số tiền còn lại 3.900.000 đồng D đã chuyển vào tài khoản của chị H. Lần cho vay này D đã thu đủ số tiền gốc và lãi là 6.200.000 đồng.

Đối với chị Tăng Thị T3, sinh năm 1982, trú tại khu phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị:

Ngày 21/8/2025, Nguyễn Văn D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Tăng Thị T3 để cho chị T3 vay 01 gói vay với số tiền vay là 5.000.000 đồng, bằng hình thức cho vay trả góp trong thời gian 30 ngày, Khi cho chị T3 vay D thu 300.000 đồng phí làm hồ sơ vay. Chị T3 đã trả đủ gốc và lãi theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi cao nhất của khoản vay trong thời gian 30 ngày là 82.192 đồng. Số tiền lãi D thu vượt quá quy định là 917.808 đồng. Ngoài ra, D còn thu trái pháp luật 300.000 đồng tiền phí hồ sơ vay. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 1.217.808 đồng.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSKV5 ngày 26/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D2 tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt Nguyễn Văn D: 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn D nộp ngân sách nhà nước tổng cộng số tiền gốc và lãi hợp pháp: 679.931.404 đồng.

+ Buộc bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Võ Thị Quỳnh G 23.205.126 đồng. Những người còn lại không có yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

- Về vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại iPhone 13 Pro Max và 01 điện thoại iPhone 6 Plus do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo xe ô tô biển kiểm soát 30F-615.18, nhãn hiệu: MAZDACX5 do không phải công cụ, phương tiện phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì về lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30F-615.18, nhãn hiệu: MAZDA CX5 cho gia đình bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có căn cứ xác định: Do có nguồn vốn tích lũy và muốn thu lợi bất chính, từ tháng 9/2024 đến tháng 8/2025, Nguyễn Văn D đã sử dụng tiền cá

nhân cho bà Hoàng Thị T2, Hoàng Thị T1, Võ Thị Quỳnh G, Trần Thị H, Tăng Thị T3 vay với tổng số tiền 738.500.000 đồng thông qua 68 gói vay. D thỏa thuận lãi suất dao động từ 243% đến 365%/năm, gấp từ 12,17 đến 18,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Hình thức cho vay gồm: Vay trả góp (án định số ngày, thu gốc và lãi hàng ngày) hoặc vay đứng (thu lãi theo ngày, gốc trả cuối kỳ). Để giao dịch, D sử dụng Zalo, điện thoại và các tài khoản ngân hàng tên mình để liên lạc và chuyển tiền cho những người vay. Tổng số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 11.926.027 đồng, tiền lãi bất hợp pháp mà bị cáo đã thu được là: 144.668.596 đồng; tiền phí: 37.350.000 đồng, tiền phạt do chậm thanh toán lãi vay: 600.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính bị cáo thực nhận là: 182.618.596 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự là 191.137.671 đồng (bao gồm lãi vượt quá quy định, tiền phí hồ sơ và tiền phạt chậm thanh toán). Theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

Bị cáo là người có nhận thức đầy đủ, biết rõ quy định của pháp luật hình sự về hành vi cấm cho vay lãi nặng nhưng vì muốn có thu lợi bất chính nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước đồng thời gây mất trật tự trị an. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, nhất là tình trạng cho vay lãi nặng đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bố mẹ bị cáo đều là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ vẻ vang; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm 1, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo từng 02 lần bị Tòa án kết án nhưng đã xóa án tích trên 10 năm; hiện tại không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nên xét thấy áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền vay (tiền gốc), số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm là công cụ, phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền thu lợi bất chính được trả lại cho người vay. Trên cơ sở đó xác định số tiền tịch thu nộp ngân sách nhà nước và số tiền trả như sau:

[6.1] Đối với trường hợp Hoàng Thị T2: tiền gốc bà Thìn đã vay 348.500.000 đồng; số tiền gốc bà T4 nợ: 13.333.334 đồng; số tiền phí: 19.450.000 đồng; tiền lãi theo quy định: 5.871.233; tiền lãi vượt quá quy định: 68.362.100; thu lợi bất chính: 89.708.904. Như vậy, buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước: 335.166.666 đồng + 5.871.233 đồng, tổng cộng: 341.037.899 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định bị cáo đã nhận, do bà Hoàng Thị T2 không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Hoàng Thị T2 phải nộp ngân sách nhà nước: 13.333.334 đồng.

[6.2] Đối với Hoàng Thị T1, tiền gốc đã vay là: 270.000.000 đồng, số tiền gốc bà T1 còn nợ: 47.000.000 đồng; tiền phí: 11.500.000 đồng; tiền lãi theo quy định: 4.191.781 đồng; tiền lãi vượt quá quy định thực tế đã nhận: 66.064.384 đồng; tiền thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự: 66.508.219 đồng. Như vậy, buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước: 223.000.000 đồng + 4.191.781 đồng, tổng cộng: 227.191.781 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định bị cáo đã nhận, do bà Hoàng Thị T1 không yêu cầu bị cáo trả lại nên H1 xét xử không xem xét. Bà Hoàng Thị T2 phải nộp ngân sách nhà nước: 47.000.000 đồng.

[6.3] Đối với Võ Thị Quỳnh G, số tiền gốc đã vay là: 90.000.000 đồng, số tiền gốc bà G còn nợ: 10.161.290 đồng; tiền phí: 4.800.000 đồng; tiền phạt do chậm góp: 600.000 đồng; tiền lãi theo quy định: 1.356.164 đồng; tiền lãi vượt quá quy định: 17.805.126 đồng; tiền thu lợi bất chính thực tế đã nhận: 23.205.126 đồng; tiền thu lợi bất chính truy cứu trách nhiệm hình sự: 25.471.233 đồng. Như vậy, buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước: 79.838.710 đồng + 1.356.164 đồng, tổng cộng: 81.194.874 đồng; bị cáo phải trả lại cho bà Võ Thị Quỳnh G số tiền: 23.205.126 đồng. Bà Võ Thị Quỳnh G phải nộp ngân sách nhà nước: 10.161.290 đồng.

[6.4] Đối với Trần Thị H, số tiền gốc: 25.000.000 đồng, đã trả hết tiền gốc; tiền lãi theo quy định: 424.658 đồng; tiền lãi vượt quá quy định: 5.575.342 đồng; tiền thu lợi bất chính: 6.875.342 đồng. Như vậy, buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước: 25.000.000 đồng + 424.658 đồng, tổng cộng: 25.424.658 đồng. Số tiền thu lợi bất chính, do bà Trần Thị H không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.5] Đối với Tăng Thị T3, số tiền gốc bà T3 vay: 5.000.000 đồng, đã trả đủ gốc và lãi; tiền lãi theo quy định: 82.192 đồng; tiền lãi vượt quá quy định: 917.808 đồng; phí: 300.000 đồng; tiền thu lợi bất chính: 1.217.808 đồng. Như vậy, buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước: 5.000.000 đồng + 82.192 đồng, tổng cộng: 5.082.192 đồng. Số tiền thu lợi bất chính, do bà Tăng Thị T5 yêu cầu bị cáo trả lại nên H1 xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ:

[7.1] 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max và 01 điện thoại iPhone 6 Plus của bị cáo. Số tài sản này bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện để liên lạc, chuyển tiền, nhận tiền từ những người vay nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Riêng các thẻ sim gắn trong các điện thoại này, do có giá trị sử dụng không lớn nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Xe ô tô biển kiểm soát 30F-615.18, nhãn hiệu: MAZDA CX5 đăng ký tên của bị cáo, quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên không phải là vật chứng của vụ án, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D2 tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D3 nộp ngân sách nhà nước: 679.931.404 đồng (*Sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng*).

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải trả lại cho bà Võ Thị Quỳnh G1: 23.205.126 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*).

3.3. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách nhà nước: bà Hoàng Thị T2 nộp: 13.333.334 đồng (*Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*); bà Hoàng Thị T1 nộp: 47.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu đồng*); bà Võ Thị Quỳnh G nộp: 10.161.290 đồng (*Mười triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu xanh rêu, mặt sau của điện thoại bị nứt vỡ; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu xám (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim Vinaphone in dãy số 89840200011676222886 và 01 thẻ sim Viettel in dãy số 8984048000916633741.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 xe ô tô biển kiểm soát 30F-615.18, nhãn hiệu: MAZDA CX5 xe ô tô Mazda CX5 loại xe: Ô tô con, màu sơn trắng, số khung: RN2KF5326JC112182, số máy: PY30845828, dung tích xi lanh: 2488cm³ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng có tại Phòng THADS Khu vực 5 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2026)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D4 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV 5;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý